

Số: 29.082/2024/TB CBTT - ASP

TP. HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên Tổ chức : Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Mã chứng khoán : ASP
- Địa chỉ trụ sở chính : P.805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 03, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 54136338 Fax: 028 54136340
- Website : <https://anphapetrol.com> Email: [luantran@anphapetrol.com](mailto:luantran@anphapetrol.com)
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

### 2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và công văn giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và công văn giải trình.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

#### Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán ASP và công văn giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán ASP và công văn giải trình.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT  
  
TRẦN DUY LUÂN



Số: 124/2024\_ASP-SGDCK\_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng bán niên năm 2024 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 08 năm 2024

## Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính bán niên và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu và lợi nhuận sau thuế lại giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của của 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với 6 tháng đầu năm 2023 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu 6 tháng	Số liệu 6 tháng	Chênh
	đầu năm 2024	đầu năm 2023	lệch (VNĐ)
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.721.478.633	33.174.997.118	(13.453.518.485)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	6.682.749.812	11.471.133.122	(4.788.383.310)
3 Chi phí tài chính	17.019.970.037	25.352.203.229	(8.332.233.192)
4 Chi phí bán hàng	3.913.816.946	4.485.972.923	(572.155.977)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.566.228.991	13.964.545.844	(2.398.316.853)
6 Chi phí thuế TNDN hiện hành		184.531.649	(184.531.649)
7 Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.059.980.925)	738.126.595	(6.798.107.520)

### 1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 13.453.518.485 đồng nguyên nhân chủ yếu là sản lượng bán hàng và giá bán giảm làm doanh thu bán hàng và lãi gộp giảm so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính giảm 4.788.383.310 đồng nguyên nhân thu nhập từ đầu tư tài chính giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính giảm 8.332.233.192 đồng nguyên nhân chủ yếu do lãi suất ngân hàng giảm nên chi phí lãi vay giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng giảm 572.155.977 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho, chi phí bảo lãnh giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý giảm 2.398.316.853 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương, chi phí công tác hội nghị giảm so cùng kỳ.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2024 giảm 6.798.107.520 đồng so với 6 tháng đầu năm 2023.

### 2. Điều chỉnh hồi tố BCTC riêng công ty mẹ năm 2023

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính



kết thúc ngày 31/12/2023 do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con, nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>863.676.900.325</b>	<b>804.685.300.552</b>	<b>(58.991.599.773)</b>
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	720.054.254.246	661.062.654.473	(58.991.599.773)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(61.710.377.386)	(120.701.977.159)	(58.991.599.773)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.969.935.246.158</b>	<b>1.910.943.646.385</b>	<b>(58.991.599.773)</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.499.065.589.812</b>	<b>1.497.708.283.759</b>	<b>(1.357.306.053)</b>
Nợ ngắn hạn	310	1.433.489.339.812	1.432.132.033.759	(1.357.306.053)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.390.924.168	33.618.115	(1.357.306.053)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>470.869.656.346</b>	<b>413.235.362.626</b>	<b>(57.634.293.720)</b>
Vốn chủ sở hữu	410	470.869.656.346	413.235.362.626	(57.634.293.720)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	95.734.358.130	38.100.064.410	(57.634.293.720)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>(14.519.266.266)</i>	<i>(72.153.559.986)</i>	<i>(57.634.293.720)</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.969.935.246.158</b>	<b>1.910.943.646.385</b>	<b>(58.991.599.773)</b>

**3. Giải trình về vấn đề nhấn mạnh của kiểm toán tại BCTC riêng kiểm toán: Về nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 377.120.633.053 đồng, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 6.059.980.925 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 23.713.343.764 VND và nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty:**

- Xuất phát từ việc Công ty mong muốn nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường để phát huy năng lực nội tại và vị thế Công ty trên thị trường nên đã đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết là các đơn vị trong cùng ngành nghề và trong hệ thống khách hàng của Công ty nhằm chiếm lĩnh thị trường, tạo hệ sinh thái của tập đoàn. Cùng với đó là việc đầu tư vô hình gas để tăng sản lượng bán hàng và khai thác được tài sản đang sở hữu, do đặc thù của ngành kinh doanh gas cần đầu tư nhiều vô hình gas với số lượng và giá trị rất lớn Công ty đã dùng nguồn vốn vay ngắn hạn để đầu tư cho loại tài sản này, tuy nhiên theo thông tư 118/2010/TT-BTC của bộ tài chính đã hướng dẫn phân bổ vô hình gas 5-10 năm do vậy tài sản này được hạch toán vào tài sản dài hạn do vậy trên bảng cân đối kế toán trong BCTC đã thể hiện chỉ tiêu nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn.

- Một phần do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế toàn cầu nên Công ty tiếp tục đối diện với vấn đề mất cân đối tài chính trong ngắn hạn do các khoản tài chính đã đầu tư vào công ty con/công ty liên kết và đầu tư vô hình gas đang thể hiện dưới dạng tài sản dài hạn và tài sản vô hình. Giải pháp

trên đã thể hiện bằng việc tăng trưởng sản lượng so với các năm trước, phát triển và mở rộng hệ sinh thái của Công ty trong bối cảnh thị trường suy giảm và cạnh tranh gay gắt.

- Trong những năm qua, Công ty vẫn duy trì sử dụng đòn bẩy tài chính như hiện nay và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường. Bên cạnh đó, hạn mức tín dụng của Công ty năm 2024 - 2025 đã được gia hạn với các tổ chức tín dụng, đảm bảo nguồn vốn an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 - 2025.

**4. Các biện pháp và lộ trình khắc phục các vấn đề Kiểm toán đã nêu tại Vấn đề cần nhấn mạnh như sau:**

**• Thứ nhất: Giải pháp và lộ trình khắc phục về quản trị:**

Công ty đang tiến hành hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự quản trị mới đã thay thế các cán bộ quản lý cấp cao và các thành viên HĐQT, tăng cường kiểm tra kiểm soát đối với các công ty liên kết, công ty con nhằm đảm bảo việc ghi chép, hạch toán phản ánh đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh;

**• Thứ hai: Giải pháp về kinh doanh:**

Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp để cải thiện hiệu quả kinh doanh từ tháng 06/2024, từ đàm phán giảm giá vốn đầu vào, cắt giảm chi phí và tăng sản lượng kinh doanh. Hiện nay, Công ty vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đã có lợi nhuận từ kinh doanh LPG..

**• Thứ ba: Giải pháp về quản trị các khoản đầu tư tài chính:**

Công ty đã triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính ngắn hạn. Công ty đang đánh giá lại hiệu quả các khoản đầu tư tài chính mua bán sát nhập trong những năm qua và thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không mang lại hiệu quả. Nguồn tài chính thu về từ thoái vốn sẽ giảm tình trạng mất cân đối vốn ngắn hạn hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty đã gia hạn hạn mức tín dụng hiện nay với các tổ chức tín dụng đến năm 2025, đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động kinh doanh ổn định của Công ty.

Với các giải pháp, phương án kinh doanh của Công ty đã và sẽ thực hiện trong năm 2024, Công ty chúng tôi cam kết đảm bảo việc hoạt động liên tục và có hiệu quả kinh doanh, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã đề ra, khắc phục hoàn toàn tình hình lỗ trong hoạt động kinh doanh.

Trân trọng.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT TP.HCM
- Lưu VT, NQTCTY



晋一朗

SAKAMOTO SHINICHIRO



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 50

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 03/7/2024) Thành viên (đến ngày 03/7/2024)
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)

#### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/5/2024)
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/5/2024)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/5/2024)
Ông Trương Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (Miễn nhiệm ngày 13/5/2024)
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/5/2024)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Sakamoto Shinichiro

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-ASP ngày 27/6/2024 của Tổng Giám đốc)  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024



Số: 200/2024/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 27/8/2024, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 377.120.633.053 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 6.059.980.925 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 23.713.343.764 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, việc tái cấu trúc mô hình hoạt động và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7.3 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Kết luận của Chúng tôi không bị ảnh hưởng với các vấn đề nêu trên.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường

Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 01a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>788.808.924.165</b>	<b>1.106.258.345.833</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>64.367.854.763</b>	<b>142.119.853.420</b>
1. Tiền	111		64.367.854.763	142.119.853.420
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>70.200.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.200.000.000	70.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>635.357.690.791</b>	<b>841.467.730.277</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	548.120.355.061	748.100.498.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	37.496.314.139	32.271.478.763
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	47.325.000.000	58.275.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	8.195.662.309	8.600.393.560
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.779.640.718)	(5.779.640.718)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>29.715.732.561</b>	<b>51.020.782.795</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.715.732.561	51.020.782.795
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.167.646.050</b>	<b>1.449.979.341</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.965.176.112	1.254.040.610
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		747.960.236	195.938.731
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	4.454.509.702	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>793.864.926.968</b>	<b>804.685.300.552</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>29.554.946.001</b>	<b>33.651.346.001</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	19.787.320.000	18.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	9.767.626.001	15.314.026.001
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.532.237.498</b>	<b>14.434.754.006</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	103.651.812	372.960.247
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.508.895.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.405.244.006)	(2.135.935.571)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	19.428.585.686	14.061.793.759
- Nguyên giá	228		27.363.837.578	19.301.309.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.935.251.892)	(5.239.515.819)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>3.015.150.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	-	3.015.150.000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>661.062.654.473</b>	<b>661.062.654.473</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		634.124.701.227	669.824.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.639.930.405	111.940.555.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(120.701.977.159)	(120.701.977.159)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>83.715.088.996</b>	<b>92.521.396.072</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	83.715.088.996	92.521.396.072
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.582.673.851.133</b>	<b>1.910.943.646.385</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.175.498.469.432</b>	<b>1.497.708.283.759</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.165.929.557.218</b>	<b>1.432.132.033.759</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	556.697.361.168	743.130.983.404
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	5.596.701.640	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	84.520.842	33.618.115
4. Phải trả người lao động	314		320.019.715	322.226.724
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.400.537.900	1.457.795.824
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	16.252.928.203	17.531.556.393
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	585.558.613.842	669.636.979.391
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.568.912.214</b>	<b>65.576.250.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	9.568.912.214	65.576.250.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>407.175.381.701</b>	<b>413.235.362.626</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>407.175.381.701</b>	<b>413.235.362.626</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.040.083.485	38.100.064.410
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.100.064.410	110.253.624.396
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.059.980.925)	(72.153.559.986)
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.582.673.851.133</b>	<b>1.910.943.646.385</b>

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc

  
 Sakamoto Shinichiro

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 02a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.159.077.123.594	1.199.435.958.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.331.741.021
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10		<b>1.159.077.123.594</b>	<b>1.196.104.217.875</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.139.355.644.961	1.162.929.220.757
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		<b>19.721.478.633</b>	<b>33.174.997.118</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.682.749.812	11.471.133.122
7. Chi phí tài chính	22	6.4	17.019.970.037	25.352.203.229
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.442.449.530	23.098.700.532
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.913.816.946	4.485.972.923
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	11.566.228.991	13.964.545.844
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	30		<b>(6.095.787.529)</b>	<b>843.408.244</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	35.806.604	79.250.000
12. Chi phí khác	32	6.7	-	-
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40	6.7	<b>35.806.604</b>	<b>79.250.000</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	50		<b>(6.059.980.925)</b>	<b>922.658.244</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	184.531.649
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		<b>(6.059.980.925)</b>	<b>738.126.595</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú



Lại Văn Tú



Sakamoto Shinichiro



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 03a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.059.980.925)	922.658.244
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		2.965.044.508	1.642.046.456
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.259.160.000	501.500.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.510.568.005)	(7.774.827.238)
- Chi phí lãi vay	06		12.442.449.530	23.098.814.772
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.096.105.108	18.390.192.234
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		199.876.051.733	29.924.112.496
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.305.050.234	(22.729.462.476)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(246.586.014.959)	(54.897.703.655)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.095.171.574	3.444.573.446
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.499.707.454)	(23.757.849.766)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.646.838.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.713.343.764)	(53.272.975.953)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.523.228.000)	(1.557.972.727)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.450.000.000)	(130.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.475.000.000	137.480.059.028
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.809.424.551	6.190.531.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.311.196.551	12.112.617.895

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 03a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.051.185.249.392	929.550.382.085
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.127.535.100.836)	(883.698.332.163)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<i>(76.349.851.444)</i>	<i>45.852.049.922</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<i>(77.751.998.657)</i>	<i>4.691.691.864</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	142.119.853.420	60.258.002.252
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>64.367.854.763</b>	<b>64.949.694.116</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc




坂本 晋一朗

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Sakamoto Shinichiro

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 13 người (tại ngày 31/12/2023 là 14 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Các Công ty con trực tiếp</b>						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (í)	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
4	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
5	Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
<b>Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)</b>						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-DHG ngày 15/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (“Công ty Đức Hải”), Công ty Đức Hải đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Các Công ty liên kết</b>						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	số.133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	168 Nguyễn Sắc Kim, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,54%	40,54%	40,54%
10	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,73%	40,73%	40,73%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Giả định về hoạt động liên tục**

Tại ngày 30/6/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 377.120.633.053 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 6.059.980.925 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 23.713.343.764 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tái cấu trúc mô hình quản lý của Công ty, trong đó giải thể và tổ chức lại các phòng ban nhằm hướng đến việc quản trị Công ty tốt hơn.

- Tiết giảm chi phí hoạt động, trong đó bao gồm tinh giảm nhân sự tại tất cả Ban chuyên môn của Công ty, chủ động trả các mặt bằng đang thuê mà không sử dụng hết công năng;

- Công ty tiếp tục duy trì được các khoản tín dụng với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản****Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí bảo lãnh phát hành**

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

**Tiền thuê tài sản trả trước**

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí vỏ bình gas**

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gắn liền chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	408.651.029	568.151.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.509.203.734	141.551.702.391
Tiền đang chuyển (i)	20.450.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>64.367.854.763</b>	<b>142.119.853.420</b>

(i) Khoản tiền Công ty đã nộp vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo có của Ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>70.200.000.000</b>	<b>70.200.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	50.200.000.000	50.200.000.000	70.200.000.000	70.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>70.200.000.000</b>	<b>70.200.000.000</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND) (Trình bày lại)			
	Vốn năm giữ biểu quyết	Quyền 98,57%	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>								
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,57%	98,57%	142.307.241.235	(i)	(4.082.206.349)	142.307.241.235	(i)	(4.082.206.349)
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(85.745.009.097)	443.340.459.992	(i)	(85.745.009.097)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)			-		-	35.699.374.780	37.880.892.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (iii)	80,00%	80,00%	18.400.000.000	(i)	-	18.400.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	51,00%	51,00%	1.828.000.000	(i)	-	1.828.000.000	(i)	-
<b>Tổng</b>			<b>634.124.701.227</b>		<b>(109.425.215.446)</b>	<b>669.824.076.007</b>		<b>(109.425.215.446)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND) (Trình bày lại)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con (trang trước chuyển sang)			634.124.701.227	-	669.824.076.007	-
Đầu tư vào Công ty liên kết			147.639.930.405		111.940.555.625	
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina (iv)	35,00%	35,00%	10.725.395.625	(i)	10.725.395.625	(i)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	1.470.000.000	(i)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	2.385.320.000	(i)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	7.513.340.000	(i)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	2.940.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	13.650.000.000	(i)
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	34.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	20.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung (v)	40,54%	40,54%	19.256.500.000	(i)	19.256.500.000	(i)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	40,73%	40,73%	35.699.374.780	-	-	-
<b>Tổng</b>			<b>781.764.631.632</b>	<b>(120.701.977.159)</b>	<b>781.764.631.632</b>	<b>- (120.701.977.159)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường  
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 28/6/2024. Cụ thể, tại ngày 28/6/2024, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 9.800 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu. Đồng thời, tại ngày 28/6/2024, Công ty Cổ phần MT Gas không còn là Công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty là 40,73% sau khi Công ty Cổ phần MT Gas thực hiện tăng vốn thông qua đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-DHG ngày 15/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (“Công ty Đức Hải”), Công ty Đức Hải đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.3.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	167.155.172.669	133.924.543.706
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	138.783.172.825	258.046.867.677
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	33.674.547.392	53.736.393.628
Công ty Cổ phần MT Gas	36.512.671.865	41.758.210.595
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	37.363.096.528	44.663.787.190
Công ty TNHH Sopet Gas One	8.339.144.126	9.222.990.120
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	10.373.021.682	24.910.519.726
Công ty TNHH Hải Linh	10.948.516.600	8.188.096.600
Các đối tượng khác	104.971.011.374	173.649.089.430
<b>Tổng</b>	<b>548.120.355.061</b>	<b>748.100.498.672</b>

Trong đó,

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

475.214.679.168	613.674.169.292
-----------------	-----------------

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	24.995.000.000	24.995.000.000
Liên danh GLC - Tân Đại Phát	6.230.869.400	-
Các đối tượng khác	490.804.021	1.496.838.045
<b>Tổng</b>	<b>37.496.314.139</b>	<b>32.271.478.763</b>

Trong đó,

*Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

24.995.000.000	24.995.000.000
----------------	----------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường  
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.5 Phải thu về cho vay**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>47.325.000.000</b>	<b>58.275.000.000</b>
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (ii)	37.400.000.000	47.400.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (iii)	3.325.000.000	4.275.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vii)	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>19.787.320.000</b>	<b>18.337.320.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas (viii)	1.450.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>67.112.320.000</b>	<b>76.612.320.000</b>
<i>Trong đó,</i>		
<b>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</b>	<b>60.512.320.000</b>	<b>70.012.320.000</b>

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: được gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngày 26/02/2023, kéo dài đến hết ngày 25/05/2024.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

(viii) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mỏ Hóa Lông Be Ta Gas.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường  
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.6 Phải thu khác**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.195.662.309</b>	-	<b>8.600.393.560</b>	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.040.611.588	-	1.690.421.417	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	-	-	1.807.833	-
Tạm ứng cho nhân viên	781.488.428	-	799.364.418	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	428.027.000	-	692.027.000	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	4.545.535.293	-	3.618.721.101	-
Các khoản khác	-	-	1.398.051.791	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.767.626.001</b>	-	<b>15.314.026.001</b>	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	3.082.626.000	-	3.349.026.000	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bừu (iii)	685.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (iv)	-	-	4.780.000.000	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (v)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>17.963.288.310</b>	-	<b>23.914.419.561</b>	-

Trong đó,

*Phải thu khác từ các bên liên  
quan (Chi tiết tại Thuyết  
minh số 7.3)*

6.830.561.766

12.306.287.574

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bừu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bừu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(iv) Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường  
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7 Nợ xấu**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán	5.779.640.718	-	5.779.640.718	-
<b>Tổng</b>	<b>5.779.640.718</b>	<b>-</b>	<b>5.779.640.718</b>	<b>-</b>

Chi tiết thời gian quá hạn theo từng đối tượng nợ:

	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	Quá hạn từ 03 năm trở lên
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	-	-	-	5.779.640.718
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.779.640.718</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	29.715.732.561	-	51.020.782.795	-
<b>Tổng</b>	<b>29.715.732.561</b>	<b>-</b>	<b>51.020.782.795</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.965.176.112</b>	<b>1.254.040.610</b>
Chi phí bảo lãnh phát hành	909.486.312	662.608.447
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	2.042.415.275	359.865.423
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.013.274.525	231.566.740
<b>b) Dài hạn</b>	<b>83.715.088.996</b>	<b>92.521.396.072</b>
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	78.492.972.317	85.450.676.063
Chi phí thuê	5.154.400.000	6.973.600.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	67.716.679	97.120.009
<b>Tổng</b>	<b>87.680.265.108</b>	<b>93.775.436.682</b>

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường  
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.508.895.818	2.508.895.818
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<u>2.508.895.818</u>	<u>2.508.895.818</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.135.935.571	2.135.935.571
Tăng trong kỳ	269.308.435	269.308.435
Khấu hao trong kỳ	269.308.435	269.308.435
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<u>2.405.244.006</u>	<u>2.405.244.006</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2024	<u>372.960.247</u>	<u>372.960.247</u>
Tại ngày 30/6/2024	<u>103.651.812</u>	<u>103.651.812</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024: 1.124.712.182 VND (tại ngày 01/01/2024: 641.712.182 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường  
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	19.301.309.578	19.301.309.578
Tăng trong kỳ	8.062.528.000	8.062.528.000
Mua trong kỳ	5.047.378.000	5.047.378.000
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.015.150.000	3.015.150.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<u>27.363.837.578</u>	<u>27.363.837.578</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	5.239.515.819	5.239.515.819
Tăng trong kỳ	2.695.736.073	2.695.736.073
Khấu hao trong kỳ	2.695.736.073	2.695.736.073
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<u>7.935.251.892</u>	<u>7.935.251.892</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2024	<u>14.061.793.759</u>	<u>14.061.793.759</u>
Tại ngày 30/6/2024	<u>19.428.585.686</u>	<u>19.428.585.686</u>

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	-	3.015.150.000
Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai	-	3.015.150.000
Ứng dụng di động	-	-
<b>Tổng</b>	<u>-</u>	<u>3.015.150.000</u>

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	529.244.795.400	529.244.795.400	590.787.961.237	590.787.961.237
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	-	-	100.266.415.888	100.266.415.888
Phải trả người bán khác	27.452.565.768	27.452.565.768	52.076.606.279	52.076.606.279
<b>Tổng</b>	<u>556.697.361.168</u>	<u>556.697.361.168</u>	<u>743.130.983.404</u>	<u>743.130.983.404</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường  
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Ju Teng (Việt Nam)	1.858.180.000	-
Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam	3.738.521.640	-
<b>Tổng</b>	<b>5.596.701.640</b>	<b>-</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2024
	(Trình bày lại)	trong kỳ	trong kỳ	
<b>Phải nộp</b>	<b>33.618.115</b>	<b>5.175.861.408</b>	<b>5.124.958.681</b>	<b>84.520.842</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	4.789.110.531	4.789.110.531	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.618.115	293.015.081	242.112.354	84.520.842
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	89.735.796	89.735.796	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.400.537.900	1.457.795.824
<b>Tổng</b>	<b>1.400.537.900</b>	<b>1.457.795.824</b>

**5.17 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	9.564.038	3.442.605
Bảo hiểm xã hội	1.446.400	-
Cổ tức phải trả	885.420.764	885.420.764
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải (i)	15.139.169.928	15.092.864.789
Phải trả ngắn hạn khác	217.327.073	1.549.828.235
<b>Tổng</b>	<b>16.252.928.203</b>	<b>17.531.556.393</b>

Trong đó,

*Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết  
 minh số 7.3)*

<i>15.139.169.928</i>	<i>15.092.864.789</i>
-----------------------	-----------------------

(i) Khoản tạm ứng về hoàn trả vốn đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản vay ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	585.558.613.842	585.558.613.842	1.252.128.404.631	1.336.206.770.180	669.636.979.391	669.636.979.391
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	512.595.006.056	512.595.006.056	1.210.881.906.845	1.296.766.380.180	598.479.479.391	598.479.479.391
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	70.470.905.821	70.470.905.821	508.693.275.869	638.839.689.941	200.617.319.893	200.617.319.893
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (iv)	264.783.136.149	264.783.136.149	505.269.301.504	502.701.855.495	262.215.690.140	262.215.690.140
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	177.340.964.086	177.340.964.086	196.919.329.472	155.224.834.744	135.646.469.358	135.646.469.358
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	72.963.607.786	72.963.607.786	41.246.497.786	39.440.390.000	71.157.500.000	71.157.500.000
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	9.857.200.000	9.857.200.000	5.094.600.000	4.987.400.000	9.750.000.000	9.750.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	63.106.407.786	63.106.407.786	36.151.897.786	28.132.990.000	55.087.500.000	55.087.500.000
Ngân hàng Resona Merchant BankAsia Limited (v)	9.568.912.214	9.568.912.214	4.259.160.000	60.266.497.786	65.576.250.000	65.576.250.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	-	-	-	19.020.000.000	19.020.000.000	19.020.000.000
<b>Tổng</b>	<b>595.127.526.056</b>	<b>595.127.526.056</b>	<b>1.256.387.564.631</b>	<b>1.396.473.267.966</b>	<b>735.213.229.391</b>	<b>735.213.229.391</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ 2 này 01/3/2021
- Hạn mức tín dụng : Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh. Trong đó, tổng dư nợ các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD vào mọi thời điểm.
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất: : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu : Ngày 28/02/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/029/24 ngày 15/3/2024 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
- Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác
- Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng
- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/3/2025, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
- Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu vốn lưu động của bên vay

Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;

Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

Biện pháp bảo đảm : Thu tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

(iv) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HĐTD ngày 27/12/2022:

Số tiền cho vay : 145.000.000.000 VND

Thời hạn vay : 05 năm

Mục đích vay : Đầu tư dự án vỏ bình gas

Thời hạn rút vốn : Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực

Lãi suất vay : Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn

Lịch trả nợ gốc : Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý: tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm

Biện pháp bảo đảm : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112950/HĐTG ngày 30/11/2022 với số tiền 50.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112950/HĐBB ngày 01 tháng 12 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);  
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.  
Mục đích vay : Cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan  
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.  
Phương thức trả nợ : Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020.  
Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải phải được  
hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.  
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vi) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

*Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:*

Số tiền cho vay : 8.400.000 USD  
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.  
Ngày hoàn trả đầu tiên : 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên  
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan  
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.  
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

*Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:*

Số tiền cho vay : 2.900.000 USD  
Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026  
Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD  
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan  
Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần  
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Lỗ trong năm trước (đã điều chỉnh hồi tố)	-	-	-	-	(72.153.559.986)	(72.153.559.986)
Số dư tại ngày 31/12/2023 (Trình bày lại)	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Số dư tại ngày 01/01/2024 (Trình bày lại)	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	(6.059.980.925)	(6.059.980.925)
Số dư tại ngày 30/6/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	32.040.083.485	407.175.381.701

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2024		Tại ngày 01/01/2024			
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
<b>Tổng</b>	<b>37.339.929</b>	<b>100,00%</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>37.339.929</b>	<b>100,00%</b>	<b>373.399.290.000</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	37.339.929	37.339.929
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
<b>Tổng</b>	<b>306.228.116</b>	<b>306.228.116</b>

**5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021

Công ty xóa nợ do các khoản công nợ phải thu đã quá hạn trên 03 năm, các biện pháp thu hồi nợ đã được áp dụng nhưng vẫn không thu hồi được nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán LPG	1.146.696.175.782	1.188.841.450.630
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	6.712.956.900	6.713.616.900
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	4.703.093.050	2.815.461.816
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	964.897.862	1.065.429.550
<b>Tổng</b>	<b>1.159.077.123.594</b>	<b>1.199.435.958.896</b>

Trong đó,

*Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

678.979.630.308 792.439.981.689

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chiết khấu thương mại	-	3.331.741.021
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>3.331.741.021</b>

**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán LPG	1.146.696.175.782	1.185.509.709.609
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	6.712.956.900	6.713.616.900
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	4.703.093.050	2.815.461.816
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	964.897.862	1.065.429.550
<b>Tổng</b>	<b>1.159.077.123.594</b>	<b>1.196.104.217.875</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn bán LPG	1.128.261.313.017	1.156.416.143.793
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	6.957.703.746	3.191.590.872
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	3.501.381.816	2.815.461.816
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	635.246.382	506.024.276
<b>Tổng</b>	<b>1.139.355.644.961</b>	<b>1.162.929.220.757</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.159.614.722	7.774.827.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.350.953.283	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.172.181.807	304.640
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	451.250.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.244.751.244
<b>Tổng</b>	<b>6.682.749.812</b>	<b>11.471.133.122</b>
Trong đó, <i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>2.874.751.910</i>	<i>6.485.694.654</i>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay	12.442.449.530	23.098.700.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	321.600.507	1.752.002.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	4.255.920.000	501.500.000
<b>Tổng</b>	<b>17.019.970.037</b>	<b>25.352.203.229</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	-	16.939.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	226.200.002
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	984.641.117	1.465.366.147
Chi phí bảo lãnh mua hàng	2.929.175.829	2.777.467.774
<b>Tổng</b>	<b>3.913.816.946</b>	<b>4.485.972.923</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.197.994.832	3.582.754.192
Chi phí vật liệu quản lý	62.526.628	126.690.524
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.610.846	55.419.930
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.965.044.508	1.642.046.456
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.627.758.556	2.992.830.886
Chi phí bằng tiền khác	2.640.293.621	5.560.803.856
<b>Tổng</b>	<b>11.566.228.991</b>	<b>13.964.545.844</b>

**6.7 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý công cụ dụng cụ	23.700.000	79.250.000
Các khoản khác	12.106.604	-
<b>Tổng</b>	<b>35.806.604</b>	<b>79.250.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>35.806.604</b>	<b>79.250.000</b>

Trong đó,

Thu nhập khác với các bên liên quan (Chi tiết tại  
Thuyết minh số 7.3)

- 71.250.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.059.980.925)	922.658.244
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.350.953.283)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.350.953.283)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.410.934.208)	922.658.244
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	184.531.649

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	131.137.474	182.110.454
Chi phí nhân công	3.197.994.832	3.582.754.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.965.044.508	1.642.046.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.541.575.502	10.770.480.810
Chi phí khác bằng tiền	2.644.293.621	5.564.803.856
<b>Tổng</b>	<b>15.480.045.937</b>	<b>21.742.195.768</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 30/7/2024, Công ty nhận được đơn từ nhiệm của Ông Shimbori Toshiyuki, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, đồng thời, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/2024/HĐQT-ASP ngày 02/8/2024 về việc tiếp nhận đơn từ nhiệm của Ông Shimbori Toshiyuki và tổ chức bầu cử bổ sung thành viên Ủy ban kiểm toán. Tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, công tác bầu cử bổ sung thành viên Ủy ban kiểm toán đang được tiến hành.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào khác, xét trên khía cạnh trọng yếu, cần được thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Các cam kết****a. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	6.547.588.500	6.459.336.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	7.434.689.500	10.848.208.000
Trên 05 năm	-	-
<b>Tổng</b>	<b>13.982.278.000</b>	<b>17.307.544.000</b>

**b. Cam kết cho thuê hoạt động**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	3.364.363.632	3.364.363.632
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	3.925.090.904	5.607.272.720
Trên 05 năm	-	-
<b>Tổng</b>	<b>7.289.454.536</b>	<b>8.971.636.352</b>

**c. Cam kết bảo lãnh cho đơn vị khác**

Công ty cung cấp bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha - một Công ty con của Công ty, nhằm mục đích đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty con tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An theo hợp đồng cấp tín dụng mà Công ty con ký kết với Ngân hàng. Bảo lãnh có hiệu lực từ thời điểm chấp thuận đến khi Công ty con hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc một biện pháp bảo đảm khác được chấp thuận giữa Ngân hàng, Công ty, và Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

<b>STT</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
5	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp
8	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
13	Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Công ty con của Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
16	Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng
18	Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng
19	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

107  
3 T  
1H  
OÁ  
INA  
51 -

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác****Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Takehiko Kawamoto	Nguyên Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập	-	-
Ông Hosokoji Yu	Nguyên thành viên	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Nguyên thành viên	-	-
Ông Trần Minh Loan	Nguyên thành viên	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		-	-

**Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 28/6/2024, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, không kể thành viên Hội đồng Quản trị độc lập mới được bổ nhiệm, là 0 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,  
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Nguyên Tổng Giám đốc	218.933.566	245.464.550
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc	260.332.116	-
Ông Hosokoji Yu	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Trần Duy Luân	Người phụ trách quản trị Công ty, Nguyên Giám đốc tài chính	274.625.000	119.850.000
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	315.719.878	299.443.352
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	258.080.308	237.750.000
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin (đến ngày 17/10/2023)	386.389.980	369.769.550
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty (đến ngày 13/5/2024)	-	-
<b>Tổng</b>		<b>1.714.080.848</b>	<b>1.272.277.452</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Mua hàng</b>			<b>531.317.957</b>	<b>3.186.081.062</b>
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Phí gửi kho LPG	219.469.210	534.450.561
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Chi phí vận chuyển LPG Phí bảo lãnh tín dụng Chi phí khác	97.119.336 - 214.729.411	2.615.962.501 35.668.000
<b>Bán hàng</b>			<b>678.979.630.308</b>	<b>792.439.981.689</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai	338.477.993.624	358.922.766.228
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	29.769.295.953	163.346.797.432
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty liên kết	Bán LPG, cho thuê nhà kho	82.490.701.461	60.438.947.321
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	29.197.262.159	25.430.107.951
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty liên kết	Bán LPG	18.508.362.942	22.011.599.176
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán LPG		3.523.570.124
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Công ty liên kết	Bán LPG	101.232.756.408	98.735.110.207
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	39.931.837.159	60.031.083.250
Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	39.371.420.602	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.3. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Giao dịch cho vay</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Phản tiền gốc thu hồi	12.400.000.000	47.065.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Phản tiền gốc thu hồi	10.000.000.000	46.115.782.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Phản tiền gốc chi cho vay	950.000.000	950.000.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	2.874.751.910	6.485.694.654
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.499.687.671	3.045.822.519
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi cho vay	144.483.286	195.120.891
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	45.287.670	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	1.185.293.283	190.980.209
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	-	2.045.164.905
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	-	245.712.991
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	-	600.879.631
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	-	162.013.508
<b>Thu nhập khác</b>				
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Xuất bán vỏ chai LPG	-	71.250.000
			-	71.250.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
		VND	VND
<b><u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u></b>		<b>475.214.679.168</b>	<b>613.674.169.292</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	167.155.172.669	133.924.543.706
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	138.783.172.825	258.046.867.677
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty liên kết	36.512.671.865	41.758.210.595
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	2.036.971.257	2.236.971.257
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lục Mỹ Phước	Công ty liên kết	173.932.825	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	29.326.644.264	28.892.655.888
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	39.330.889.992	49.642.042.138
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty liên kết	5.819.961.135	12.192.272.493
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	10.373.021.682	24.910.519.726
Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	8.339.144.126	9.222.990.120
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	37.363.096.528	44.663.787.190
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	(i)	8.183.308.502
<b><u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u></b>		<b>24.995.000.000</b>	<b>24.995.000.000</b>
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	24.995.000.000	24.995.000.000
<b><u>Phải thu khác ngắn hạn</u></b>		<b>6.830.561.766</b>	<b>12.306.287.574</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty liên kết	454.021.918	858.660.274
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	22.206.575	29.046.575
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	146.088.589	146.088.589
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	846.044.536	846.044.536
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	416.664.855	407.726.499
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	4.545.535.293	3.618.721.101
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	400.000.000	400.000.000
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty (đến ngày 13/5/2024)	(i)	6.000.000.000

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 7.3. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

(i) Các tổ chức, cá nhân này không còn là bên liên quan của Công ty.

### c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b><u>Phải thu về cho vay</u></b>		<b>60.512.320.000</b>	<b>70.012.320.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty liên kết	37.400.000.000	47.400.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	3.325.000.000	4.275.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.450.000.000	-
<b><u>Phải trả khác</u></b>		<b>15.139.169.928</b>	<b>15.092.864.789</b>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp	15.139.169.928	15.092.864.789

### 7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con, nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.4. Thông tin so sánh (Tiếp theo)**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

*Bảng Cân đối kế toán riêng (tóm lược)*

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Ghi chú
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>863.676.900.325</b>	<b>804.685.300.552</b>	<b>(58.991.599.773)</b>	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	720.054.254.246	661.062.654.473	(58.991.599.773)	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(61.710.377.386)	(120.701.977.159)	(58.991.599.773)	(i)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.969.935.246.158</b>	<b>1.910.943.646.385</b>	<b>(58.991.599.773)</b>	
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.499.065.589.812</b>	<b>1.497.708.283.759</b>	<b>(1.357.306.053)</b>	
Nợ ngắn hạn	310	1.433.489.339.812	1.432.132.033.759	(1.357.306.053)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.390.924.168	33.618.115	(1.357.306.053)	(ii)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>470.869.656.346</b>	<b>413.235.362.626</b>	<b>(57.634.293.720)</b>	
Vốn chủ sở hữu	410	470.869.656.346	413.235.362.626	(57.634.293.720)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	95.734.358.130	38.100.064.410	(57.634.293.720)	
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>(14.519.266.266)</i>	<i>(72.153.559.986)</i>	<i>(57.634.293.720)</i>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.969.935.246.158</b>	<b>1.910.943.646.385</b>	<b>(58.991.599.773)</b>	

(i) Công ty điều chỉnh hồi tố khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, chi tiết như sau:

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) Dự phòng VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) Dự phòng VND	Chênh lệch Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con (tóm lược)</b>			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	(26.753.409.324)	(85.745.009.097)	(58.991.599.773)
<b>Tổng</b>	<b>(61.710.377.386)</b>	<b>(120.701.977.159)</b>	<b>(58.991.599.773)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.4. Thông tin so sánh (Tiếp theo)**

(ii) Công ty điều chỉnh hồi tố khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” do xác định lại thuế thu nhập doanh nghiệp từ ảnh hưởng của nghiệp vụ đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con đến thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, chi tiết như sau:

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.357.306.053	-	(1.357.306.053)
<b>Tổng các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tóm lược)</b>	<b>1.390.924.168</b>	<b>33.618.115</b>	<b>(1.357.306.053)</b>

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú



Phó Tổng Giám đốc

坂本 晋一朗

Sakamoto Shinichiro

